

Số: /2023/QĐ-UBND Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, cung cấp thông tin trên
Cổng Thông tin điện tử các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa
đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày
18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính
phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 về sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của
Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của
Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của
cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 66/TTr-STTTT
ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Báo cáo số 130/BC-STP ngày 30 tháng 5 năm 2023
của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Quy chế Quản lý, cung cấp thông tin
trên Cổng thông tin điện tử các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý, cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin điện tử các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023; thay thế Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế Quản lý và cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (B/c);
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp (B/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài PT-TH, Cổng TT-GTĐT tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT. VX3. (H-

b)



 **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Chí Giang

QUY CHẾ

**Quản lý, cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin điện tử
các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **32** /2023/QĐ-UBND
ngày **12** tháng **9** năm **2023**, của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh và hệ thống Cổng Thông tin điện tử các cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi chung là Cổng Thông tin điện tử) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là các sở, ban, ngành); Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng thông tin trên Cổng Thông tin điện tử theo quy định pháp luật.

Điều 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật và địa chỉ tên miền

1. Cổng Thông tin điện tử sử dụng bộ mã kí tự chữ viết Unicode theo tiêu chuẩn 6909:2011 trong việc lưu trữ và trao đổi thông tin, dữ liệu (quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

2. Cổng Thông tin điện tử phải tuân thủ các tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

3. Địa chỉ tên miền của Cổng Thông tin điện tử tỉnh:

Kênh tiếng Việt: <http://www.vinhphuc.gov.vn>; Kênh tiếng Anh: <http://english.vinhphuc.gov.vn>.

4. Địa chỉ tên miền Cổng Thông tin các sở, ban, ngành, Cổng Thông tin điện tử cấp huyện và Cổng Thông tin điện tử cấp xã:

a) Đối với cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh có tối thiểu tên miền cấp 4 là tên viết tắt của cơ quan bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh theo dạng: tencoquan.vinhphuc.gov.vn.

Ví dụ: Sở Thông tin và Truyền thông: sotttt.vinhphuc.gov.vn.

b) Đối với cấp huyện: là tên miền cấp 4 sử dụng tên đầy đủ của địa phương bằng tiếng Việt không dấu theo dạng: tenhuyen.vinhphuc.gov.vn.

Ví dụ: huyện Vĩnh Tường: vinhtuong.vinhphuc.gov.vn.

c) Đối với các xã: tên miền là cấp 5 sử dụng đầy đủ của các xã, phường, thị trấn bằng tiếng Việt không dấu theo dạng: tenxaphuongthitran.tenhuyen.vinhphuc.gov.vn.

Ví dụ: xã Đạo Trù: daotru.tamdao.vinhphuc.gov.vn.

Điều 4. Nguyên tắc cung cấp thông tin

1. Thông tin cung cấp trên Cổng Thông tin điện tử phải chính xác, kịp thời, đúng với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phục vụ kịp thời công tác quản lý của cơ quan nhà nước và nhu cầu khai thác thông tin của tổ chức, công dân.

2. Thông tin cung cấp trên Cổng Thông tin điện tử phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước, báo chí, sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên môi trường mạng.

3. Việc cung cấp nội dung thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của các sở, ban, ngành chuyên ngành phải tuân theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Khi đăng tải, trích dẫn, sử dụng lại thông tin từ các nguồn tin chính thức Cổng Thông tin điện tử phải ghi chính xác nguồn tin, tên tác giả hoặc tên cơ quan của nguồn tin chính thức theo quy định tại khoản 2, Điều 20, Điều 21, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

5. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về các thông tin cung cấp trên Cổng Thông tin điện tử.

6. Các thông tin do cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp, trước khi đưa lên Cổng Thông tin điện tử phải được Ban Biên tập các Cổng Thông tin điện tử kiểm duyệt.

Chương II CUNG CẤP, CẬP NHẬT THÔNG TIN

Điều 5. Nội dung thông tin cung cấp trên Cổng Thông tin điện tử

Căn cứ theo Điều 17, Điều 19 Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13; Điều 4, Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ, các thông tin sau đây phải được công khai trên Cổng Thông tin điện tử:

1. Thông tin giới thiệu:

a) Cổng Thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã: thông tin giới thiệu về hệ thống chính trị; tổ chức bộ máy hành chính; sơ đồ tổ chức của cơ quan và đơn vị trực thuộc; điều

kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng; bản đồ địa giới hành chính; tiêu sử tóm tắt và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, điện thoại/fax, địa chỉ thư điện tử công vụ.

b) Cổng Thông tin điện tử các sở, ban, ngành: thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc; địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức của cán bộ, công chức làm đầu mối liên hệ.

2. Tin tức, sự kiện:

a) Cổng Thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã: đăng tải tin, bài về các hoạt động của lãnh đạo; tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại thuộc phạm vi quản lý.

b) Cổng Thông tin điện tử của các sở, ban, ngành: đăng tải tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

3. Thông tin chỉ đạo điều hành bao gồm: ý kiến chỉ đạo điều hành của lãnh đạo được ban hành bằng văn bản; ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; lịch làm việc, lịch tiếp công dân; thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động thuộc địa bàn quản lý.

4. Thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính thuộc thẩm quyền ban hành hoặc tham mưu ban hành có giá trị áp dụng chung, trong đó nêu rõ: hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về, cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản.

Việc cung cấp thông tin văn bản quy phạm pháp luật tuân thủ các quy định của pháp luật và bảo đảm đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật.

6. Thông tin về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến liên kết trực tiếp Cổng dịch vụ công tỉnh Vĩnh Phúc (<https://dichvucong.vinhphuc.gov.vn>).

7. Thông tin chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch năm, giai đoạn; thông tin về quy hoạch theo Luật Quy hoạch.

8. Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, gồm:

a) Danh sách các dự án mời gọi đầu tư, các dự án mới đầu tư, các dự án đang triển khai, các dự án đã hoàn thành;

b) Mỗi dự án cần có các thông tin gồm: tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.

9. Thông tin về đấu thầu, mua sắm công, chương trình và kết quả thực hiện đầu tư công, giá đất, thu hồi đất, phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn.

10. Thông tin về các nguồn vốn vay; nguồn vốn viện trợ phi chính phủ; các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; các khoản đóng góp của Nhân dân; các loại quỹ (nếu có).

11. Thông tin về chương trình, nhiệm vụ, đề tài khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý bao gồm:

a) Danh mục chương trình, nhiệm vụ, đề tài khoa học và công nghệ, bao gồm: tên, mã số, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện;

b) Kết quả các chương trình, nhiệm vụ, đề tài sau khi đã được Hội đồng khoa học và công nghệ của cấp có thẩm quyền nghiệm thu thông qua, bao gồm: báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai áp dụng của công trình, đề tài. Việc công bố kết quả phải tuân thủ các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

12. Báo cáo tài chính năm; thông tin báo cáo thống kê:

a) Báo cáo tài chính năm công khai theo quy định của Luật Kế toán; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của Luật Thống kê.

b) Báo cáo tài chính năm; thông tin báo cáo thống kê, bao gồm đầy đủ thông tin, số liệu theo quy định và tình hình thực tế trên địa bàn.

13. Thông tin về dịch thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, bao gồm các thông tin:

a) Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

b) Nguyên nhân, đường lây truyền, cách nhận biết bệnh và các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

c) Hậu quả của bệnh truyền nhiễm đối với sức khỏe, tính mạng con người và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước.

d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

đ) Nội dung thông tin phù hợp với đối tượng, truyền thống văn hoá, dân tộc, đạo đức xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục tập quán.

e) Thông tin cung cấp chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực, kịp thời.

14. Lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân:

a) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về việc ban hành, thực hiện các quy định hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc địa phương, ngành, lĩnh vực, các chủ trương, chính sách cần xin ý kiến;

c) Đăng tải các nội dung thông tin cần xin ý kiến theo quy định của pháp luật.

d) Cung cấp các thông tin và chức năng: toàn văn nội dung vấn đề cần xin ý kiến; thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý; xem nội dung các ý kiến góp ý; nhận ý kiến góp ý mới; địa chỉ, thư điện tử của cơ quan, đơn vị tiếp nhận ý kiến góp ý.

15. Thông tin tuyên truyền, phổ biến Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên.

16. Danh mục thông tin công khai trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong đó, đối với từng loại thông tin cần nêu rõ: vị trí, hình thức, thời điểm, thời hạn công khai.

17. Các thông tin khác thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương mà pháp luật quy định phải công khai trên Cổng Thông tin điện tử.

18. Ngoài các thông tin quy định từ khoản 1 đến khoản 17 Điều này, Cổng Thông tin – Giao tiếp điện tử tỉnh cung cấp thêm các mục thông tin sau:

a) Công báo của tỉnh: liên kết trực tiếp tới trang công báo tỉnh (<http://congbao.vinhphuc.gov.vn>)

b) Thông tin cung cấp bằng tiếng Anh, gồm các thông tin chủ yếu sau:

- Thông tin giới thiệu chung về điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng của tỉnh;

- Thông tin giới thiệu về hệ thống chính trị, cơ cấu tổ chức, bộ máy hành chính; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tóm lược quá trình hình thành và phát triển của các cơ quan nhà nước; tiểu sử tóm tắt và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo các cơ quan;

- Thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại/fax, địa chỉ thư điện tử công vụ;

- Thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Thông tin hoạt động xúc tiến đầu tư; cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; thông tin về thành tựu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Các mục thông tin được quy định tại điểm b khoản 18 Điều này phải được cập nhật kịp thời khi có sự thay đổi.

d) Khuyến khích cung cấp thông tin bằng các ngôn ngữ khác.

Điều 6. Thời gian cập nhật thông tin

1. Đối với các thông tin quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 Quy chế này phải cập nhật kịp thời, thường xuyên.

2. Đối với thông tin quy định tại khoản 5 Điều 5 thực hiện như sau:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành đối với văn bản hành chính cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản phải gửi đến Cổng Thông tin điện tử để cập nhật.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi đến Cổng Thông tin điện tử để cập nhật.

- Đối với các văn bản quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; văn bản có hiệu lực kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành phải được cập nhật ngay trên Cổng Thông tin điện tử trong ngày công bố hoặc ký ban hành.

3. Đối với thông tin quy định tại khoản 7 Điều 5: chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, toàn bộ nội dung quy hoạch phải được công bố công khai, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Đối với các thông tin quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 5, thời gian cập nhật không quá 02 ngày làm việc kể từ khi được phê duyệt.

5. Đối với thông tin quy định tại khoản 11 Điều 5, thời gian cập nhật không quá 10 ngày làm việc kể từ khi chương trình, nhiệm vụ, đề tài được phê duyệt hoặc sau khi chương trình, đề tài được nghiệm thu.

6. Đối với thông tin quy định tại khoản 14 Điều 5, phải cập nhật ngay sau khi nhận được văn bản của cơ quan chủ trì dự thảo.

7. Đối với các nội dung thông tin khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc thông tin phải được cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử.

Điều 7. Trách nhiệm cung cấp thông tin

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử trong việc bảo đảm cung cấp thông tin; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin được cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, dữ liệu theo quy định của Quy chế này lên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình. Đồng thời, cung cấp cho Cổng Thông tin điện tử tỉnh các thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý của cơ quan, đơn vị để đăng tải lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

3. Các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của cơ quan, đơn vị để đăng tải lên Cổng Thông tin điện tử theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

4. Đối với các dự thảo văn bản cần xin ý kiến đóng góp của tổ chức, cá nhân và các nội dung cần xin ý kiến khác trên Cổng Thông tin điện tử, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đăng tải tới Cổng Thông tin điện tử.

5. Trách nhiệm của cơ quan khác: cung cấp các thông tin thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Ban Biên tập các Cổng Thông tin điện tử.

Điều 8. Các chức năng hỗ trợ cơ bản

Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Cổng Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải có chức năng hỗ trợ tìm kiếm, liên kết và lưu trữ thông tin

a) Chức năng tra cứu, tìm kiếm thông tin cho phép tìm kiếm được đầy đủ và chính xác nội dung thông tin, tin, bài cần tìm hiện có theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác các đường liên kết đến Cổng Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước khác có liên quan.

c) Cung cấp chức năng in ấn và lưu trữ cho mỗi tin, bài.

2. Cung cấp thông tin bằng tiếng nước ngoài

a) Nội dung cung cấp thông tin bằng tiếng Anh gồm: Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức; thông tin tuyên truyền về lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương và các thông tin hỗ trợ khác.

b) Khuyến khích các cơ quan, đơn vị đăng tải các mục thông tin khác bằng tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.

c) Các mục thông tin quy định tại điểm a, điểm b của khoản 2 Điều này phải được cập nhật kịp thời khi có thay đổi.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, các cơ quan nhà nước triển khai các chức năng cơ bản tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên các kênh cung cấp khác.

Điều 9. Tương tác với tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng

1. Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để cung cấp chức năng tương tác với tổ chức, cá nhân trên Cổng Thông tin điện tử, bao gồm:

a) Chức năng hỏi đáp và tiếp nhận thông tin phản hồi: Cung cấp chức năng cho phép người sử dụng gửi câu hỏi, ý kiến trực tiếp, theo dõi tình trạng xử lý câu hỏi hoặc cung cấp địa chỉ thư điện tử tiếp nhận.

b) Hỗ trợ tính năng mạng xã hội như chia sẻ trên facebook, zalo...

c) Cho phép tham gia trong hoạt động xây dựng pháp luật, thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Cho phép đánh giá hoạt động cung cấp thông tin của sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên môi trường mạng, bao gồm đánh giá về giao diện, nội dung, chất lượng, sự hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

đ) Công khai toàn bộ các thông tin tương tác với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào điều kiện cụ thể các cơ quan, đơn vị có thể triển khai chức năng tương tác với tổ chức, cá nhân tại khoản 1 Điều này qua các kênh cung cấp thông tin khác trên môi trường mạng.

Điều 10. Kết nối, chia sẻ thông tin

1. Cổng Thông tin điện tử phải được liên kết, tích hợp với Cổng Thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, các Cổng Thông tin điện tử chuyên ngành để bảo đảm tổ chức, cá nhân có thể tìm kiếm và khai thác thông tin trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội.

2. Các thông tin trên Cổng Thông tin điện tử được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ web, giao diện lập trình ứng dụng hoặc các hình thức phổ biến khác để bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Lưu trữ dữ liệu, thông tin

1. Lưu trữ thông tin: Các đơn vị quản lý Cổng Thông tin điện tử có trách nhiệm bảo đảm việc lưu trữ thông tin trên Cổng Thông tin điện tử, lưu trữ thông tin đã duyệt của Cổng Thông tin điện tử theo quy định của Nhà nước về lưu trữ.

2. Dữ liệu quan trọng phải sao lưu hàng ngày, bao gồm: thông tin cấu hình, tập tin nhật ký của các thiết bị mạng, bảo mật, hệ điều hành; phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

3. Dữ liệu sao lưu phải được bảo đảm an toàn và được kiểm tra thường xuyên bảo đảm khả năng nhanh chóng khôi phục lại hoạt động của hệ thống khi có sự cố xảy ra.

Chương III

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Mục 1. BẢO ĐẢM NHÂN LỰC

Điều 12. Nhân lực biên tập Cổng Thông tin điện tử

1. Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phân công, bố trí đủ nhân lực, thành lập Ban Biên tập để tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin, bảo đảm hoạt động của Cổng Thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

2. Quy mô và tổ chức của Ban Biên tập do Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định căn cứ tình hình thực tế.

3. Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Lãnh đạo Ban Biên tập làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Chế độ làm việc của các thành viên do Trưởng ban quyết định.

4. Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan.

Điều 13. Nhân lực quản trị kỹ thuật và bồi dưỡng nhân lực

1. Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực chuyên môn để quản trị Cổng Thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị quản lý, vận hành Cổng Thông tin điện tử có trách nhiệm bồi dưỡng nhân lực về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực đảm nhiệm để bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin điện tử.

Mục 2. BẢO ĐẢM KINH PHÍ

Điều 14. Kinh phí duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

1. Kinh phí duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước:

- Kinh phí chi cho Cổng Thông tin điện tử được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm theo các lĩnh vực chi của đơn vị. Nhiệm vụ chi cho Cổng Thông tin điện tử bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.

- Kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phục vụ Cổng Thông tin điện tử được bố trí hằng năm trong dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị để bồi dưỡng cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý.

- Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối ngân sách của tỉnh để bảo đảm kinh phí hoạt động, duy trì Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và hệ thống các Cổng Thông tin điện tử thành phần.

b) Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị được phép để lại sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn viện trợ, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của các nhà tài trợ.

d) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã hằng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo đảm kinh phí để duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của mình; báo cáo cơ quan có thẩm quyền để phân bổ kinh phí.

Điều 15. Kinh phí bảo đảm cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin

Thực hiện theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, cụ thể:

1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế, đơn vị được giao quản trị, vận hành được trang bị đầy đủ hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị cần thiết khác để bảo đảm lưu trữ, khai thác, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin mạng phục vụ hoạt động Cổng Thông tin điện tử.

2. Định kỳ theo giai đoạn, hằng năm, đơn vị được giao xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành Cổng Thông tin điện tử xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp các hệ thống cung cấp thông tin trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ kinh phí, nhằm bảo đảm hoạt động cung cấp thông tin ổn định, an toàn thông tin mạng.

Điều 16. Kinh phí duy trì lập thông tin và chi trả nhuận bút, cung cấp thông tin

1. Chế độ thù lao, nhuận bút cho việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên Cổng Thông tin điện tử thực hiện theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 9/10/2020 của UBND tỉnh về ban hành Quy định nhuận bút, thù lao trong hoạt động xuất bản bản tin, thông tin điện tử, truyền thanh trên địa bàn tỉnh và quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức chi cho việc tạo lập, chuyển đổi và số hóa thông tin trên Cổng Thông tin điện tử và các kênh cung cấp khác của sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về mức chi tạo lập thông tin điện tử.

3. Căn cứ khả năng kinh phí của cơ quan, Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định mức chi cụ thể cho việc tạo lập thông tin và chi trả thù lao, nhuận bút phù hợp với các quy định của pháp luật.

Mục 3. ĐẢM BẢO HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 17. Bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông để cung cấp thông tin trên môi trường mạng.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật để cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin điện tử.

Điều 18. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật

1. Cơ quan nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ từ nhà cung cấp bên ngoài phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và có sự thống nhất của Sở Thông tin và Truyền thông để bảo đảm cho hoạt động của Cổng Thông tin điện tử hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc thu thập, xử lý và cập nhật thông tin cho các Cổng Thông tin điện tử, bảo đảm khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ hiện có, ứng dụng các công nghệ hiện đại, ưu tiên ứng dụng công nghệ điện toán đám mây.

Điều 19. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin trên môi trường mạng bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu trên Cổng Thông tin điện tử, bảo vệ thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng.

2. Xây dựng giải pháp hiệu quả chống lại các tấn công gây mất an toàn thông tin.

3. Xây dựng phương án dự phòng khắc phục sự cố bảo đảm Cổng Thông tin điện tử hoạt động liên tục 24 giờ trong tất cả các ngày.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quy chế này; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định cụ thể cho việc tạo lập thông tin và chi trả nhuận bút phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước; tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả, tình hình hoạt động, khó khăn, vướng mắc của các Cổng Thông tin điện tử nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng hoạt động của các Cổng thông tin điện tử.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan báo chí, các tổ chức đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, dịch vụ công của Cổng Thông tin điện tử nghiêm túc tổ chức triển khai, thực hiện Quy chế này.

3. Định kỳ hằng tháng, Ban Biên tập Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh và Ban Biên tập các Cổng Thông tin điện tử thành phần thực hiện chế độ báo cáo về kết quả hoạt động của Cổng Thông tin điện tử của đơn vị gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.